

CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM - ĐẠI HỌC HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ-ĐHNL ngày 14 tháng 3 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế)

I. NGÀNH CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường;

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ sau thu hoạch;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, hóa học, hóa lý, sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ sau thu hoạch.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Vận dụng được kiến thức về đặc điểm thành phần hóa học, đặc điểm sinh lý, sinh hóa và những biến đổi có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, chế biến các loại nông sản, thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về nguyên lý của quá trình bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về các công nghệ và khả năng lựa chọn công nghệ thích hợp cho hoạt động bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm theo nhóm và loại nông sản, thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về quản lý các yếu tố tác động, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của nông sản, thực phẩm và đề ra các giải pháp thích hợp giúp hạn chế tổn thất sau thu hoạch;
- Vận dụng được kiến thức về các kỹ thuật, công nghệ truyền thống và hiện đại trong bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình thực hiện trong lĩnh vực hoạt động công nghệ sau thu hoạch với nông sản, thực phẩm.
- Vận dụng được kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn Công nghệ sau thu hoạch;
- Vận dụng được kiến thức về nguyên lý thiết kế nhà máy, bố trí sơ đồ dây chuyền công nghệ và phương thức tổ chức sản xuất của cơ sở bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về nguyên tắc cấu tạo, vận hành thiết bị và cách khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình sản xuất;
- Vận dụng được kiến thức về vai trò của nông sản, thực phẩm đối với sự sống của con người, phương pháp sử dụng an toàn, hạn chế tác động xấu đến sức khỏe của cá nhân và cộng đồng;

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Vận dụng được kiến thức về cách tổ chức nhóm cho các hoạt động khoa học và thực tiễn, phương pháp lấy thông tin và truyền tải chính xác các kiến thức chuyên môn đến những đối tượng khác nhau;
- Vận dụng được kiến thức về các khái niệm nghiên cứu trong khoa học. Cách lựa chọn, xây dựng và triển khai một vấn đề trong nghiên cứu khoa học;
- Vận dụng được kiến thức về lập các dự án và triển khai thực tế liên quan đến sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về các chất phụ gia phổ biến hiện nay, các quy định của pháp luật và cách thức ứng dụng trong sản xuất;

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp:

- Có kỹ năng nhận biết sự phù hợp, đúng đắn, những sự cố cần khắc phục trong quá trình sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm;
- Có kỹ năng sử dụng, vận hành, sửa chữa các thiết bị đơn giản phục vụ hoạt động thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản, thực phẩm;
- Có kỹ năng quản lý, giám sát và đảm bảo chất lượng cho sản phẩm trên dây chuyền chế biến từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và Quốc tế về chế biến nông sản, thực phẩm;
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá chất lượng (vật lý, hóa học, vi sinh vật,...), giá trị dinh dưỡng và cảm quan của nông sản, thực phẩm;
- Có kỹ năng tự nghiên cứu, tự tổ chức sản xuất, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực tiền thu hoạch (pre-harvest), thu hoạch (harvest) và sau thu hoạch (post-harvest);
- Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Có kỹ năng tổ chức thông tin, hệ thống hóa kiến thức và truyền đạt vấn đề chuyên môn trong công nghệ sau thu hoạch đến người khác;
- Có kỹ năng thao tác phòng thí nghiệm.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm;
- Có kỹ năng tự chủ: tự đánh giá nguồn thông tin, thu thập và xử lý thông tin, viết báo cáo và trình bày một chủ đề liên quan đến chuyên môn hoặc liên quan đến văn hóa, lối sống nhằm phục vụ cho sự phát triển của bản thân, cho những người xung quanh và cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất;
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm, lập và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu. Đưa ra chiến lược phát triển nhóm và thúc đẩy sự tương tác với các nhóm liên quan;
- Có kỹ năng điều hành, phân công công việc và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm và từng thành viên trong nhóm;
- Có kỹ năng sắp xếp thông tin, sắp xếp ý tưởng, lập luận và giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình với các cá nhân, tổ chức. Khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng đạo đức tốt, có trách nhiệm với bản thân, với xã hội và tuân theo luật pháp;
- Có kỹ năng nhận biết các chất sử dụng làm phụ gia thực phẩm, xác định và đánh giá được tác động của chúng đến chất lượng thực phẩm và đến sức khỏe người tiêu dùng.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm với các công việc và điều kiện làm việc khác nhau liên quan đến chuyên môn được đào tạo, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm về những việc mình được phân công;
- Có năng lực nắm bắt rõ chuyên môn, định hướng hoạt động và hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thu hoạch, xử lý sơ chế sau thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm;
- Có năng lực tổ chức nhóm chuyên môn, đặt ra mục tiêu và điều hành hoạt động nhóm, định hướng công việc, đưa ra nhận xét, kết luận chuyên môn liên quan đến Công nghệ sau thu hoạch;
- Có năng lực lập kế hoạch sản xuất, định hướng và xây dựng lộ trình phát triển của hoạt động sản xuất, của các nguồn lực. Đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trên quy trình bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm;
- Có năng lực lập kế hoạch hoạt động, phát huy tối đa năng lực lao động, sáng tạo của từng thành viên và của cả nhóm;
- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

II. NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ thực phẩm.
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, hóa học, hoá lý, sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành Công nghệ thực phẩm.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Vận dụng được kiến thức về ngành học Công nghệ thực phẩm, mục tiêu và cơ hội nghề nghiệp;
- Vận dụng được kiến thức về nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm và công nghệ sản xuất; dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về các phương pháp tính toán, thiết kế, lựa chọn công nghệ sản xuất thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về vận hành thiết bị thí nghiệm cơ bản và hiện đại, phương pháp phân tích xử lý số liệu thực nghiệm;
- Vận dụng được kiến thức về các hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất thực phẩm.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Vận dụng được kiến thức về phương pháp quản lý dự án liên quan đến lĩnh vực công nghệ thực phẩm;
- Vận dụng được kiến thức về quản trị doanh nghiệp sản xuất, thương mại trong lĩnh vực

công nghệ thực phẩm.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng):

- Có kỹ năng đánh giá và phân tích nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm;
- Có kỹ năng tính toán, thiết kế, lựa chọn công nghệ sản xuất các sản phẩm thực phẩm;
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp kiến nghị về công nghệ sản xuất, phát triển các sản phẩm thực phẩm;
- Có kỹ năng cập nhật kiến thức về dinh dưỡng và đưa ra các giải pháp liên quan vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Có kỹ năng vận hành thiết bị thí nghiệm cơ bản và hiện đại trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm;
- Có kỹ năng cập nhật và vận dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất thực phẩm;
- Có kỹ năng tổ chức và quản lý hệ thống sản xuất trong các nhà máy chế biến thực phẩm;
- Có kỹ năng lập và quản lý dự án liên quan đến lĩnh vực công nghệ thực phẩm;
- Có kỹ năng cập nhật, tiếp cận công nghệ hiện đại và định hướng ứng dụng vào thực tế.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong bảo quản, chế biến, vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Có kỹ năng tự chủ, kiến tạo, phát triển chuyên môn và học tập suốt đời;
- Có khả năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm;
- Có kỹ năng và tác phong làm việc chuyên nghiệp, làm việc có kế hoạch, khoa học;
- Có kỹ năng lập luận sắp xếp ý tưởng, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức;
- Có kỹ năng điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực giao tiếp tốt và làm việc độc lập, theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, áp lực;
- Có năng lực tự chịu trách nhiệm và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện việc tính toán, thiết kế, lựa chọn công nghệ sản xuất thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh;
- Có năng lực chịu trách nhiệm trong phân tích, đánh giá và phát triển sản phẩm thực phẩm;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trên dây chuyền công nghệ chế biến thực phẩm;
- Có năng lực tự tiếp cận, nắm bắt công nghệ hiện đại và định hướng ứng dụng vào thực tế sản xuất;
- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

III. NGÀNH KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, sinh thái và môi trường làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Vận dụng được kiến thức về đồ họa, vẽ kỹ thuật, trắc đạc, khảo sát để lập và phân tích bản vẽ kỹ thuật về các công trình hạ tầng;

- Vận dụng được kiến thức về cơ học vật liệu để khảo sát, phân tích sự làm việc của vật liệu và kết cấu công trình hạ tầng;

- Vận dụng được kiến thức về kỹ năng công nghệ thông tin chuyên ngành làm cơ sở cho tính toán, thiết kế hoặc thẩm định hồ sơ kỹ thuật các công trình hạ tầng;

- Vận dụng được kiến thức về quy hoạch, thiết kế, thi công, dự toán công trình để lập, phân tích, thẩm định hoặc tư vấn về hồ sơ, giải pháp kỹ thuật liên quan đến quy hoạch, thiết kế, thi công công trình hạ tầng;

- Vận dụng được kiến thức nghề nghiệp tổng hợp để tư vấn hoặc tổ chức, quản lý thi công, chỉ huy công trường, giám sát thi công, kiểm định, xử lý kỹ thuật các công trình về hạ tầng;

- Vận dụng được kiến thức về kỹ thuật môi trường để phân tích sự tác động môi trường của các dự án kỹ thuật cơ sở hạ tầng, xử lý nước cấp và nước thoát.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Vận dụng được kiến thức về quản lý dự án xây dựng, kỹ năng mềm để xây dựng, quản lý, điều hành dự án làm mới, hoặc sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Vận dụng được các kiến thức về phương pháp luận khoa học trong học tập nâng cao trình độ, phát triển tư duy nghề nghiệp và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp:

- Có kỹ năng sử dụng phần mềm công nghệ thông tin chuyên ngành thành thạo trong thiết kế, tính dự toán các công trình hạ tầng;

- Có kỹ năng về đọc và phân tích các bản vẽ kỹ thuật xây dựng;

- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản làm cơ sở các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp để thực hiện các công tác quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa các công trình qua sử dụng;

- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý để trực tiếp chỉ huy thi công, giám sát thi công tại công trường;

- Có kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá, sáng tạo để thẩm định, phản biện hoặc tư vấn, chỉ dẫn kỹ thuật trong công tác quy hoạch, thiết kế, thi công, xử lý vấn đề kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường của công trình hoặc dự án phát triển hạ tầng;

- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức liên ngành trong phân tích, đánh giá, xử lý các vấn đề chuyên môn phức tạp về hạ tầng kỹ thuật.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong thẩm định, giám sát, tư vấn về thiết kế, thi công, quản lý dự án về cơ sở hạ tầng;

- Có kỹ năng tự chủ: làm việc có kế hoạch, tác phong chuyên nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc mới, phát triển chuyên môn và học tập suốt đời;

- Có kỹ năng làm việc nhóm: tập hợp, phân công, điều phối, giám sát các nhóm chuyên môn;

- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo: trong tổ chức, điều hành, dẫn dắt các công tác chuyên môn; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định các công tác chuyên môn về xây dựng;

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: thu thập thông tin, thương thuyết, gây ảnh hưởng qua giao tiếp hoặc văn bản với các cá nhân và tổ chức, truyền thông.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có năng lực tư vấn, giám sát, xử lý các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp trong các hoạt động quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý dự án hạ tầng;

- Có năng lực sáng tạo trong đề xuất các giải pháp kỹ thuật, phương án thiết kế, tổ chức thi công, quản lý triển khai các dự án hạ tầng;

- Có năng lực vận dụng kiến thức tổng hợp, phân tích thông tin, đưa ra các kết luận, chỉ dẫn về các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, làm việc nhóm, phát huy trí tuệ tập thể;

- Có năng lực đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn thông thường;

- Có năng lực định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, cập nhật các thành tựu khoa học kỹ thuật mới...trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

IV. NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Kỹ thuật cơ - điện tử;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành Kỹ thuật cơ - điện tử.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Vận dụng kiến thức về đồ họa, vẽ kỹ thuật để lập và phân tích bản vẽ kỹ thuật về hệ thống thiết bị cơ điện tử theo đúng các tiêu chuẩn;

- Vận dụng được kiến thức nghề nghiệp về cơ khí, điện, điện tử, khoa học máy tính, kỹ thuật robot, điều khiển và tự động hóa để tính toán, thiết kế mới hoặc cải tiến các bộ phận cụ thể của hệ thống cơ điện tử;
- Vận dụng được kiến thức nghề nghiệp tổng hợp để lập các giải pháp kỹ thuật và công nghệ trong thiết kế hệ thống truyền động cơ khí, mạch điện, điện tử, đo lường, cảm biến và lập trình điều khiển hệ thống cơ điện tử;
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực hành nghề nghiệp để gia công, chế tạo hệ thống thiết bị truyền động, đo lường, cảm biến, mạch điện, điện tử, lập trình điều khiển, lắp đặt, vận hành, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa hệ thống cơ điện tử;
- Vận dụng được kiến thức liên ngành về cơ khí, điện, điện tử, khoa học máy tính, kỹ thuật robot, điều khiển và tự động hóa làm nền tảng để giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ điện tử, tự động hóa sản xuất;
- Vận dụng được kiến thức về xử lý số liệu, phân tích, đánh giá và tối ưu các số liệu thực nghiệm trong về lĩnh vực kỹ thuật cơ điện tử;
- Vận dụng được kiến thức an toàn lao động và môi trường trong đề xuất giải pháp về an toàn trong công tác chuyên môn và hoạt động sản xuất.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Vận dụng được kiến thức quản lý dự án, kỹ năng mềm, thực tế sản xuất để xây dựng, quản lý, điều hành các dự án thiết kế, chế tạo, lắp đặt hay sửa chữa các hệ thống cơ điện tử;
- Vận dụng được các kiến thức về phương pháp luận khoa học trong học tập nâng cao trình độ, phát triển tư duy nghề nghiệp và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp:

- Có kỹ năng sử dụng phần mềm công nghệ thông tin chuyên ngành thành thạo trong thiết kế, mô phỏng các hệ thống thiết bị cơ điện tử;
- Có kỹ năng về đọc và phân tích các bản vẽ kỹ thuật về hệ thống cơ khí, điện, điện tử;
- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản làm cơ sở các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ điện tử;
- Có kỹ năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp để trực tiếp thực hiện công tác tính toán, thiết kế, gia công, chế tạo hệ thống cơ khí, điện, điện tử; đo lường, cảm biến và lập trình điều khiển; lắp đặt, vận hành các hệ thống cơ điện tử; kiểm tra, bảo trì, phục hồi, sửa chữa hoặc thay thế các cơ cấu, hệ thống thiết bị cơ điện tử;
- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, trực tiếp chỉ huy, giám sát công tác chuyên môn về thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành hoặc sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp... hệ thống cơ điện tử;
- Có kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá, sáng tạo để thẩm định, phản biện chuyên môn hoặc tư vấn, chỉ dẫn kỹ thuật trong công tác lập dự án, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành hoặc sửa chữa, bảo dưỡng... các hệ thống thiết bị cơ điện tử;
- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức liên ngành trong phân tích, đánh giá, xử lý các vấn đề chuyên môn phức tạp về hệ thống cơ điện tử.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong lập hồ sơ, thẩm định, giám sát, tư vấn, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, quản lý dự án hoặc các hoạt động sản xuất kinh doanh về hệ thống cơ điện tử;
- Có kỹ năng tự chủ: làm việc có kế hoạch, tác phong chuyên nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển chuyên môn và học tập suốt đời;

- Có kỹ năng làm việc nhóm: tập hợp, phân công, điều phối, giám sát các nhóm chuyên môn;
- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo: trong tổ chức, điều hành, dẫn dắt các công tác chuyên môn; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định các công tác chuyên môn về hệ thống thiết bị cơ khí, điện, điện tử, đo lường, cảm biến và lập trình điều khiển;
- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: thu thập thông tin, thương thuyết, gây ảnh hưởng qua giao tiếp hoặc văn bản với các cá nhân, tổ chức về chuyên môn và truyền thông.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có năng lực tư vấn, giám sát hoặc xử lý các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử;
- Có năng lực sáng tạo để đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt và vận hành các hệ thống cơ điện tử;
- Có năng lực vận dụng kiến thức tổng hợp, phân tích thông tin, đưa ra các kết luận, chỉ dẫn về các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp trong lĩnh vực sử dụng, sửa chữa;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, làm việc nhóm, phát huy trí tuệ tập thể;
- Có năng lực đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn thông thường;
- Có năng lực định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, cập nhật các thành tựu khoa học kỹ thuật mới...trong lĩnh vực cơ điện tử;
- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

V. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Vận dụng kiến thức về đồ họa, vẽ kỹ thuật để đọc và lập các bản vẽ kỹ thuật cơ khí theo đúng các tiêu chuẩn;
- Vận dụng được kiến thức nghề nghiệp để phân tích, tính toán, thiết kế, cải tiến các cơ cấu - hệ thống thiết bị cơ khí;
- Vận dụng được kiến thức nghề nghiệp để lập các giải pháp công nghệ gia công và sử dụng các máy công cụ để gia công các chi tiết cơ khí-hệ thống cơ khí;
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực hành nghề nghiệp để lắp đặt, vận hành, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các máy và thiết bị cơ khí;
- Vận dụng được kiến thức cơ bản về điện, điện tử, kỹ thuật robot, hệ thống cơ điện tử, điều khiển và tự động hóa làm nền tảng để giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật cơ khí với tự động hóa;
- Vận dụng được kiến thức về xử lý số liệu, phân tích, đánh giá và tối ưu các số liệu thực nghiệm trong về lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Vận dụng được kiến thức về quản lý dự án, về kỹ năng mềm, thực tế sản xuất để xây dựng, quản lý, điều hành các dự án, sản xuất kinh doanh về cơ khí;
- Vận dụng được các kiến thức về phương pháp luận khoa học trong học tập nâng cao trình độ, phát triển tư duy nghề nghiệp và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn về lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp:

- Có kỹ năng sử dụng phần mềm công nghệ thông tin chuyên ngành thành thạo trong thiết kế, mô phỏng các hệ thống thiết bị cơ khí;
- Có kỹ năng về đọc và phân tích các bản vẽ kỹ thuật cơ khí;
- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản làm cơ sở các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;
- Có kỹ năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp để thực hiện công tác tính toán, thiết kế, lập giải pháp công nghệ gia công, chế tạo các chi tiết và hệ thống cơ khí; lắp đặt, vận hành các

hệ thống cơ khí; kiểm tra, bảo trì, phục hồi, sửa chữa hoặc thay thế các cơ cấu, hệ thống thiết bị cơ khí;

- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, trực tiếp chỉ huy, giám sát công tác chuyên môn về thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành hoặc sửa chữa, bảo dưỡng... trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh về cơ khí;

- Có kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá, sáng tạo để thẩm định, phản biện chuyên môn hoặc tư vấn, chỉ dẫn kỹ thuật trong công tác lập dự án, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành hoặc sửa chữa, bảo dưỡng... các hệ thống thiết bị cơ khí;

- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức liên ngành trong phân tích, đánh giá, xử lý các vấn đề chuyên môn phức tạp về cơ khí.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong thẩm định, giám sát, tư vấn, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, quản lý dự án hoặc sản xuất kinh doanh về cơ khí;

- Có kỹ năng tự chủ: làm việc có kế hoạch, tác phong chuyên nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển chuyên môn và học tập suốt đời;

- Có kỹ năng làm việc nhóm: tập hợp, phân công, điều phối, giám sát các nhóm chuyên môn;

- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo: trong tổ chức, điều hành, dẫn dắt các công tác chuyên môn; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định các công tác chuyên môn về cơ khí;

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: thu thập thông tin, thương thuyết, gây ảnh hưởng qua giao tiếp hoặc văn bản với các cá nhân và tổ chức về chuyên môn và truyền thông.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực tư vấn, giám sát, xử lý các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp trong thiết kế, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý dự án hoặc sản xuất kinh doanh về cơ khí;

- Có năng lực sáng tạo để đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, tổ chức sản xuất, quản lý các dự án cơ khí;

- Có năng lực vận dụng kiến thức tổng hợp, phân tích thông tin, đưa ra các kết luận, chỉ dẫn về các vấn đề chuyên môn thông thường và phức tạp trong lĩnh vực vận hành, sử dụng, sửa chữa;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, làm việc nhóm, phát huy trí tuệ tập thể;

- Có năng lực đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn thông thường;

- Có năng lực định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, cập nhật các thành tựu khoa học kỹ thuật mới... trong lĩnh vực cơ khí;

- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

VI. NGÀNH CHĂN NUÔI

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống; Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất;

- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường; Có chứng chỉ Anh văn B1 hoặc tương đương.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Chăn nuôi;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Chăn nuôi.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chăn nuôi: cấu tạo, chức năng sinh lý của các cơ quan, các quá trình sinh hóa xảy ra trong cơ thể, vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng cho từng loại vật nuôi, cơ sở khoa học của chọn và nhân giống vật nuôi;
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong sản xuất chăn nuôi: quy trình công nghệ và quản lý chăn nuôi; phòng trị một số bệnh phổ biến và quản lý dịch bệnh cho vật nuôi;
- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực chăn nuôi để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

Có kiến thức về nghiên cứu khoa học và kinh doanh trong chăn nuôi và thú y.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng):

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành chăn nuôi trong những bối cảnh khác nhau: sản xuất, chế biến và phối hợp khẩu phần ăn cho vật nuôi; chọn lọc và nhân giống vật nuôi; xây dựng và thực hiện quy trình công nghệ chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát hiện và điều trị các bệnh phổ biến ở vật nuôi;
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực chăn nuôi: Kỹ năng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kỹ năng phân tích, tư duy hệ thống;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều hành sản xuất và kinh doanh ngành chăn nuôi - thú y phù hợp với từng địa phương và vùng miền;
- Có kỹ năng tiếng Anh để có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành chăn nuôi; có thể sử dụng tiếng Anh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);
- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức);

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các quy trình kỹ thuật chăn nuôi;
- Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong sản xuất chăn nuôi;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: quy mô và phương thức chăn nuôi, nhà nước và doanh nghiệp, nghiên cứu và sản xuất kinh doanh;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực chăn nuôi;
- Có năng lực lập kế hoạch sản xuất và kinh doanh của trang trại chăn nuôi;
- Có khả năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;
- Có đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị; đối xử nhân đạo với vật nuôi.

VII. NGÀNH THÚ Y

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống; Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường; Có chứng chỉ Anh văn B1 hoặc tương đương;

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Thú y;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Thú y.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực thú y: cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể; các quá trình chuyển hóa, bệnh lý, miễn dịch trong cơ thể vật nuôi; cơ chế tác động và tác dụng dược lý của thuốc và hóa chất dùng trong thú y; các quy luật phát sinh, phát triển và sinh thái liên quan đến yếu tố gây bệnh và dịch bệnh ở vật nuôi;
- Có kiến thức cơ bản về công nghệ chăn nuôi các đối tượng vật nuôi phổ biến trong nông nghiệp theo các hệ thống sản xuất khác nhau;
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong thú y: chẩn đoán, phòng trị và quản lý dịch bệnh cho vật nuôi; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực thú y để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực thú y.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

Có kiến thức về nghiên cứu khoa học và kinh doanh trong chăn nuôi và thú y.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng):

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành thú y trong những bối cảnh khác nhau: chẩn đoán lâm sàng và chẩn đoán xét nghiệm; điều trị và phòng bệnh; tổ chức kiểm soát dịch bệnh cho vật nuôi; kiểm tra, đánh giá chất lượng và tính an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật; thụ tinh nhân tạo và sinh sản vật nuôi;

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực thú y: Kỹ năng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kỹ năng phân tích, tư duy hệ thống;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều hành sản xuất và kinh doanh ngành chăn nuôi - thú y phù hợp với từng địa phương và vùng miền;

- Có kỹ năng tiếng Anh để có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành thú y; có thể sử dụng tiếng Anh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức).

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các quy trình kỹ thuật thú y;

- Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công tác thú y;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: quy mô và phương thức chăn nuôi, nhà nước và doanh nghiệp, nghiên cứu và sản xuất kinh doanh;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực thú y;

- Có năng lực lập kế hoạch và điều phối các hoạt động thú y của trang trại chăn nuôi;

- Có khả năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

- Có đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị; đối xử nhân đạo với vật nuôi.

VIII. NGÀNH KHUYẾN NÔNG

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Vận dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn và đạt chuẩn kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khuyến Nông;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, hóa học, tin học, sinh học đại cương, sinh thái và môi trường, nhà nước và pháp luật, tâm lý học đại cương, xã hội học đại cương, làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khuyến Nông.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Có kiến thức cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản và kiến thức chuyên sâu một số đối tượng sản xuất phổ biến theo hướng sản xuất an toàn, thực hành Nông nghiệp tốt để dẫn dắt các hoạt động chuyên môn;

- Nắm vững cơ bản về phương pháp khuyến nông và kiến thức sâu về khuyến nông chuyên đề về chuyển giao; xây dựng mô hình Nông nghiệp, đào tạo tập huấn;

- Nắm vững các kiến thức về xã hội nông thôn, phát triển cộng đồng, hệ thống nông nghiệp, lập và quản lý dự án, giới và phát triển làm nền tảng cho xây dựng các chương trình khuyến nông;

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh nông nghiệp và phát triển thị trường giúp xây dựng các chương trình khuyến nông đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực Khuyến Nông;

- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực Khuyến Nông để phát triển kiến thức mới phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

Sinh viên có kiến thức về truyền thông, quảng bá phát triển và mở rộng sản phẩm nông nghiệp.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng phân tích vấn đề, đề xuất giải pháp, lập kế hoạch, triển khai thực hiện, quản lý theo dõi, và đánh giá các hoạt động Khuyến Nông;

- Kỹ năng thiết kế, xây dựng, đánh giá các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn đáp ứng nhu cầu thực tiễn

- Kỹ năng xây dựng và thực hiện các chương trình tập huấn kỹ thuật nông nghiệp, đào tạo nâng cao năng lực và truyền thông nông thôn theo chủ đề;

- Kỹ năng xây dựng các chương trình truyền thông, quảng bá phát triển và mở rộng sản phẩm nông nghiệp;

- Kỹ năng phân tích, phát triển thị trường, tổ chức kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và quản trị, vận hành cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ nông thôn;

- Kỹ năng xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu về khuyến nông, phát triển nông thôn.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, thuyết phục, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu

- Có năng lực tự tạo và giải quyết việc làm;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực khuyến nông;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Có kỹ năng tự học thông qua các tài liệu, giáo trình, bài giảng. Tự rèn luyện trong quá trình làm bài tập lớn, chuyên đề, các buổi thảo luận;
- Kỹ năng nghiên cứu thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu về khuyến nông.

3.2. Phẩm chất đạo đức

3.2.1. Thái độ và đạo đức cá nhân

- Thực hiện tốt các phẩm chất đạo đức của người có học;
- Luôn chấp hành tốt những quy tắc và các yêu cầu trong công việc;

3.2.2. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy;
- Có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, có thái độ đúng đắn trong công việc;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

IX. NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức về Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1 hoặc tương đương).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, sinh viên Phát triển nông thôn cần hiểu biết đạo đức, văn hoá, phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục, các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

- Hiểu, phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về tự nhiên và xã hội (như toán, sinh học và xã hội học...) làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho học tập các học phần kỹ thuật nông nghiệp (như kỹ thuật vận hành chăn nuôi và thủy sản tập trung, kỹ thuật vận hành chuyên canh cây trồng,...) và các học phần kinh tế và sản xuất kinh doanh (như kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp...);
- Hiểu và áp dụng được các kiến thức toán học vào chọn mẫu nghiên cứu, xử lý và phân tích thống kê số liệu kết quả sản xuất và kinh tế xã hội.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững phương pháp và quy trình đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp, lập kế hoạch, triển khai thực hiện, quản lý theo dõi, và đánh giá kết quả phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;
- Nắm được các kiến thức kỹ thuật nông-lâm-ngư cần thiết và hiểu biết về các phương pháp tổ chức sản xuất để thực hiện nhiệm vụ phát triển, quản trị và vận hành cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nông thôn quy mô nhỏ như doanh nghiệp nhỏ, HTX, THT, trang trại và hộ kinh doanh cá thể...;
- Nắm vững các nội dung và phương pháp xây dựng thị trường nông sản, phát triển thị trường, tổ chức chuỗi cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, cũng như bán hàng hiệu quả;
- Xác định được nội dung kỹ thuật, phương pháp và quy trình xây dựng, thực hiện và quản lý dự án phát triển phát triển nông thôn, dự án quản lý tài nguyên môi trường, dự án sản xuất kinh doanh, dự án khởi nghiệp; Nắm vững nội dung tư vấn kỹ thuật cho các chương trình và dự án phát triển;
- Nắm được nội dung, quy trình xây dựng, thực hiện các hoạt động khuyến nông, đào tạo nghề và truyền thông nâng cao năng lực nông thôn theo các chủ đề;
- Mô tả và vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu, đánh giá nông thôn để có thể xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu phát triển nông thôn, các hoạt động khảo sát đánh giá nông thôn đa mục tiêu;
- Cập nhật được các chủ trương, chính sách của nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn và thúc đẩy việc thực hiện các chính sách này một cách hiệu quả.

1.5. Kiến thức bổ trợ

- Nắm vững các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên ngành bao gồm kiến thức về xác định vấn đề khoa học, xây dựng đề cương nghiên cứu, đánh giá kết quả và xác định những tài liệu Khoa học;
- Có kiến thức và áp dụng thực hành về phương pháp tổ chức sự kiện và truyền thông phát triển để hỗ trợ cho công việc chuyên môn và nghề nghiệp.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập được kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới một cách độc lập hoặc theo nhóm;
- Kỹ năng quản trị và vận hành cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp, nông thôn quy mô nhỏ như doanh nghiệp nhỏ, HTX, THT, trang trại và hộ kinh doanh cá thể;
- Kỹ năng đánh giá nhu cầu, phát triển thị trường, tổ chức chuỗi cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, cũng như bán hàng hiệu quả;
- Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển phát triển nông thôn, dự án quản lý tài nguyên môi trường, dự án sản xuất kinh doanh, và dự án khởi nghiệp;
- Kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện các chương trình khuyến nông, đào tạo và truyền thông nâng cao năng lực nông thôn theo chủ đề;
- Kỹ năng phát hiện vấn đề, xây dựng đề tài nghiên cứu, xác định các hoạt động khảo sát đánh giá nông thôn đa mục tiêu.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau;
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có năng lực điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu

- Có năng lực khởi nghiệp;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về phát triển nông thôn;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- Có kỹ năng tự học thông qua các tài liệu, giáo trình, bài giảng. Tự rèn luyện trong quá trình làm bài tập lớn, chuyên đề, các buổi thảo luận;
- Kỹ năng nghiên cứu thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu.

3.2. Phẩm chất đạo đức

3.2.1. Thái độ và đạo đức cá nhân

- Thực hiện tốt các phẩm chất đạo đức của người có học.
- Luôn chấp hành tốt những quy tắc và các yêu cầu trong công việc.

3.2.2. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy;
- Có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, có thái độ đúng đắn;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

X. NGÀNH LÂM NGHIỆP ĐÔ THỊ

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ về Giáo dục thể chất), An ninh quốc phòng (chứng chỉ An ninh quốc phòng), về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn (B1 hoặc tương đương).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Nắm vững những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, kiến trúc công trình và cảnh quan đô thị. Trên cơ sở đó có định hướng phù hợp và đáp ứng nhân sự cho các cơ quan quản lý, quy hoạch và thiết kế cảnh quan đô thị.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Áp dụng nguyên lý, phương án quy hoạch cảnh quan trong Lâm Nghiệp đô thị;
- Thực hiện nguyên tắc thiết kế cảnh quan phối hợp giữa kiến trúc công trình và mảng xanh trong xây dựng đô thị theo từng đặc khu;
- Thực hiện tôn tạo, bảo vệ và quản lý cảnh quan cây xanh gắn liền với việc bảo tồn đa dạng sinh học;
- Phát triển lâm nghiệp đô thị gắn liền với việc phát triển kinh tế;
- Áp dụng các đặc điểm sinh lý, các kỹ thuật chăm sóc, nhân và tạo các giống cây đô thị.

1.5. Kiến thức bổ trợ

- Sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế trên máy tính (kỹ năng CNTT cơ bản);
- Xây dựng, thiết lập, thực hiện các dự án, đề tài trong ngành lâm nghiệp;
- Thực hiện được phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, tiến trình thực hiện đề tài khoa học, phương pháp thu thập, xử lý thông tin, cũng như cách viết tài liệu khoa học;
- Trang bị các kiến thức về (1) Lý luận về kỹ năng và các loại kỹ năng mềm, 2) Kỹ năng giao tiếp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm, (3) Kỹ năng thuyết trình; (4) kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, (5) Kỹ năng đàm phán và thương lượng và 6) Kỹ năng phỏng vấn tìm việc làm;
- Thực hiện kiến thức cơ bản về xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án phát triển lâm nghiệp đô thị, nông thôn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo những tác động xâm hại đến cảnh quan;
- Kỹ năng phân tích, xây dựng và lựa chọn các phương án thiết kế và quy hoạch cảnh quan;
- Kỹ năng ứng dụng về chăm sóc nhân giống cây trồng đô thị;
- Kỹ năng tính toán và thiết kế quy hoạch kiến trúc và không gian xanh;
- Kỹ năng tư duy, biết phê phán và khả năng làm việc độc lập;
- Kỹ năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định;
- Kỹ năng thực hiện các điểm trình diễn chăm sóc, nhân giống cây đô thị;
- Có kỹ năng làm việc nhóm;
- Có kỹ năng lập kế hoạch, dự toán và giám sát, thi công các công trình cảnh quan;
- Có kỹ năng tổ chức, kiểm tra và quy hoạch quản lý hệ thống công trình, cảnh quan;
- Có kỹ năng hướng dẫn, khuyến cáo áp dụng kỹ thuật.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm tin học ứng dụng: autocad, 3dsmax, photoshop...;
- Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng, sử dụng các công cụ, phần mềm phân tích, tổng hợp các số liệu về ngành Lâm nghiệp và chuyên ngành Lâm nghiệp đô thị;
- Am hiểu được các ngoại ngữ liên quan đến chuyên ngành Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị;
- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu

- Có kỹ năng tự học thông qua các tài liệu, giáo trình, bài giảng. Tự rèn luyện trong quá trình làm bài tập lớn, đồ án thiết kế, các buổi thảo luận;
- Kỹ năng nghiên cứu thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu.

3.2. Phẩm chất đạo đức

3.2.1. Thái độ và đạo đức cá nhân

- Thực hiện tốt các phẩm chất đạo đức của người có học;
- Luôn chấp hành tốt những quy tắc và các yêu cầu trong công việc.

3.2.2. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy;
- Có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, có thái độ đúng đắn;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

XI. NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ về Giáo dục thể chất), An ninh quốc phòng (chứng chỉ An ninh quốc phòng), về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn (B1 hoặc tương đương).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành.
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản của khối ngành làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Quản lý tài nguyên rừng (QLTNR).

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Nắm vững và áp dụng kiến thức về thành phần, nguyên lý, cơ chế, cấu trúc, hệ thống, động thái, quy luật phổ biến ứng dụng trong quản lý tài nguyên rừng;
- Nắm vững và áp dụng kiến thức về phát triển tài nguyên rừng;
- Nắm vững và áp dụng kiến thức về quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Có kiến thức hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và phát triển Tài nguyên rừng;
- Có kiến thức hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp nói chung và QLTNR nói riêng.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng):

- Phát hiện, nhận biết và phân loại các loài thực vật, động vật, côn trùng vật, gây bệnh cây rừng và đất rừng;
- Nắm vững kỹ năng nhận biết địa hình, sử dụng bản đồ và thiết bị định vị không gian trong hoạt động hiện trường và số hóa thông tin, dữ liệu điều tra tài nguyên rừng;
- Thành thạo trong bố trí thí nghiệm, điều tra, giám sát diễn biến tài nguyên rừng;
- Thực hiện tốt quy trình điều tra, dự tính dự báo và xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh hại, cháy rừng, xử lý vi phạm pháp luật lâm nghiệp;
- Xây dựng, thực hiện tốt các công trình lâm sinh, dự án lâm nghiệp nói chung và quản lý bảo tồn tài nguyên rừng môi trường nói riêng;
- Phát hiện, lựa chọn, xây dựng và thực hiện có kết quả các đề tài khoa học và đề xuất các giải pháp quản lý bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng;
- Sử dụng thành thạo các bộ công cụ trong phân tích, đánh giá kết quả thí nghiệm nghiên cứu khoa học, điều tra chuyên ngành, đánh giá giá tác động môi trường và quản lý rừng bền vững;
- Vận dụng đúng kiến thức pháp luật và chính sách lâm nghiệp vào thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển TNR; phân tích chính sách và đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ: Học tập và tự học suốt đời; Quản lý thời gian làm việc có kế hoạch; Tự duy và hoạt động độc lập; Mạnh dạn phát triển ý tưởng mới, sáng tạo; Thích ứng với thực tế môi trường công tác; Hiểu biết văn hóa, tri thức bản địa và hòa nhập với cộng đồng;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm; chia sẻ và hợp tác trong công việc với các nhóm khác nhau;
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp; công bằng, minh bạch, gương mẫu và phát huy dân chủ trong tập thể;
- Kỹ năng giao tiếp: lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phục tùng sự phân công của tổ chức. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến QLTNR; Có khả năng đề xuất những sáng kiến, cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và phản biện các hoạt động hay vấn đề liên quan đến QLTNR.

XII. NGÀNH LÂM NGHIỆP

1. Chuẩn về kiến thức:

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn (B1 hoặc tương đương).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực lâm nghiệp;
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để giải quyết các vấn đề trong quản lý, phát triển rừng đặt ra tại các địa phương;
- Tích lũy và tổng hợp các kiến thức khoa học cơ bản, tri thức bản địa và xã hội trong lĩnh vực lâm nghiệp để phát triển kiến thức mới;
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Có những kiến thức sâu về tiếp cận và làm việc với cộng đồng, phân tích được thực trạng địa phương, hiệu quả sản xuất và các chương trình, dự án lâm nghiệp;
- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực hành trong nghiên cứu khoa học và đề xuất giải pháp kỹ thuật để đưa lại hiệu quả trong sản xuất lâm nghiệp.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp:

- Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp trong tiếp cận cộng đồng, chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp và quản lý tài nguyên rừng;
- Biết và thực hiện tốt các hoạt động trong quản lý, thực hành nghề nghiệp các chuyên đề lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Có kỹ năng và thực hiện tốt việc thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển nông thôn, để đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả;
- Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn lâm nghiệp với các lĩnh vực chuyên môn khác để giải quyết các vấn đề quy mô địa phương hay vùng miền.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Năng lực tốt trong tiếp cận cộng đồng, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số; chuyển giao được khoa học công nghệ cho người dân và đánh giá được hiệu quả những đầu tư tại cộng đồng cũng như viết được một báo cáo nghiên cứu hay trình bày kết quả làm việc, nghiên cứu của bản thân;
- Có khả năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn đời sống, xây dựng ý tưởng và đưa ra được những lý giải khoa học hoặc các ứng dụng vào công việc dựa trên các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm và quản lý nhóm, giao tiếp bằng tiếng Anh trong công việc và thành thạo trong tin học, ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành và GIS, viễn thám trong nghiên cứu và quản lý ngành lâm nghiệp, phát triển nông thôn.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có tinh thần đoàn kết, chia sẻ với cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn lâm nghiệp, sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Có năng lực cao trong huy động sự tham gia của tập thể, điều phối các hoạt động chung trong quá trình làm việc; Có năng lực tự đánh giá và đề xuất các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp ở các mức độ khác nhau.

XIII. NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

1. Chuẩn về kiến thức:

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế:

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Lâm nghiệp nói chung và Công nghệ chế biến lâm sản (CNCBLS) nói riêng;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành:

- Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ chế biến lâm sản;
- Áp dụng kiến thức toán học; Xác suất thống kê trong nghiên cứu khoa học, trong tính toán, dự toán, lập kế hoạch sản xuất cho ngành CNCBLS;
- Kiến thức vật lý; Hóa học trong CNCBLS bằng cơ học, cơ lý, hóa học.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp:

- **Kiến thức về Lâm nghiệp:** Có kiến thức về rừng; Sinh thái rừng; Cây và giống cây lấy gỗ và Lâm sản; Kiến thức về nguyên vật liệu đầu vào cho CNCBLS; Hiểu biết về kinh tế và pháp luật Lâm nghiệp. Kiến thức chọn tạo vùng nguyên liệu cho CNCBLS; kinh doanh nguyên liệu gỗ và Lâm sản; chọn nguyên liệu cho sản xuất CNCBLS.

- **Kiến thức về kỹ thuật:** Có kiến thức cơ bản về nhiệt, cơ, điện và máy móc áp dụng trong CBLS. Kiến thức về đồ họa áp dụng trong thiết kế công trình và đồ mộc.

- **Có kiến thức về khoa học cơ sở kỹ thuật:** liên quan đến vật liệu gỗ và các dạng vật liệu có nguồn gốc gỗ, các dạng lâm sản ngoài gỗ; vận dụng để tiến hành các nghiên cứu chuyên môn, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của ngành Chế biến lâm sản.

- **Kiến thức về chuyên sâu CNCBLS:** Nắm vững kiến thức về: Công nghệ sấy gỗ; xẻ gỗ; làm mộc; Thiết kế đồ mộc, nhà xưởng chế biến lâm sản; Có kiến thức cơ bản về: Bảo quản gỗ và lâm sản; Ván nhân tạo; Hóa lâm sản; Keo dán gỗ.

- **Kiến thức về tiêu chuẩn hóa trong sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm CBLS.**

1.5. Kiến thức bổ trợ:

- Biết tiếp cận và phát hiện và khai thác các vấn đề phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu khoa học một cách độc lập;
- Nắm được một số kiến thức cơ bản về quản lý phân xưởng, doanh nghiệp chế biến lâm sản.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp:

- Kỹ năng trong nhận biết cây rừng; nhận mặt gỗ; Chọn gỗ và nguyên liệu cho sản xuất chế biến lâm sản (CBLS);
- Có kỹ năng đọc bản vẽ; hướng dẫn, giám sát thi công trong CBLS;
- Có kỹ năng trong mài dũa, điều chỉnh, vận hành máy móc, thiết bị CBLS;
- Có tay nghề trong CBLS như sấy gỗ; xẻ gỗ; sản xuất đồ mộc.

2.2. Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng tự chủ: Học tập và tự học suốt đời; Quản lý thời gian làm việc có kế hoạch; Tư duy và hoạt động độc lập; Mạnh dạn phát triển ý tưởng mới, sáng tạo; Thích ứng với thực tế môi trường công tác; Hiểu biết văn hóa, tri thức bản địa và hòa nhập với cộng đồng.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm; chia sẻ và hợp tác trong công việc với các nhóm khác nhau;

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết

định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp; công bằng, minh bạch, gương mẫu và phát huy dân chủ trong tập thể.

- Kỹ năng giao tiếp: lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...).

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có khả năng định hướng và đưa ra các quyết định phù hợp khoa học và khách quan;
- Có khả năng làm việc độc lập; làm việc nhóm hướng dẫn những người khác thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ, chịu trách nhiệm với cá nhân và với nhóm;
- Có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường, hoàn cảnh công việc, đánh giá và cải thiện các hoạt động trong sản xuất chế biến lâm sản.

XIV. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn về khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (được cấp chứng chỉ), An ninh quốc phòng (được cấp chứng chỉ), tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về tiếng Anh với trình độ B1 hoặc tương đương trở lên.

1.2. Chuẩn về khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Quản lý đất đai;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như Toán học, Toán thống kê, Vật lý, Hóa học, Sinh thái và môi trường làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Quản lý đất đai.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật về đất đai gồm xây dựng và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai; xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai; giải quyết các vấn đề về tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục vụ quản lý đất đai như khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng hệ thống thông tin đất đai trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về xây dựng và thực thi hệ thống quy hoạch sử dụng đất đai như quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về xây dựng và thực thi hệ thống hành chính đối với đất đai như quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai;
- Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về xây dựng và thực thi hệ thống tài chính đất đai như điều tra xây dựng giá đất, quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai, quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.

1.5. Kiến thức bổ trợ

Vận dụng tốt các kiến thức về kỹ năng mềm, phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng và quản lý dự án vào nghề nghiệp và cuộc sống.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng về đo đạc, xây dựng các loại bản đồ như bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác;
- Có kỹ năng xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất, xây dựng phương án quy hoạch tổng thể các cấp, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn;
- Có kỹ năng xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính, kỹ năng định giá đất, đánh giá đất, thống kê và kiểm kê đất đai;
- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề về tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai;
- Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đất đai;
- Có kỹ năng phân tích và vận dụng đúng các văn bản pháp quy và chính sách của Nhà nước về lĩnh vực đất đai như định giá đất, quy hoạch sử dụng đất, bảo vệ và sử dụng đất nông nghiệp bền vững để thực hiện hiệu quả việc quản lý và sử dụng đất cũng như thực hiện các công việc liên quan khác.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có kỹ năng cộng tác, hình thành nhóm, làm việc theo nhóm, phát triển nhóm; tổng hợp được ý kiến tập thể, thích ứng và làm việc hiệu quả trong các tập thể đa ngành, đa lĩnh vực;
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có kỹ năng quản lý, điều khiển, phân công, đánh giá hoạt động của tập thể; Có kỹ năng phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Có khả năng đàm phán, thuyết phục và đưa ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật;
- Kỹ năng giao tiếp: Có kỹ năng đàm phán, diễn thuyết, ứng xử và giao tiếp hiệu quả trong các công việc của lĩnh vực quản lý đất đai cũng như trong cuộc sống;
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh với trình độ B1 hoặc tương đương trở lên;
- Kỹ năng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản, đồng thời có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ viễn thám để thực hiện các công việc chuyên môn của ngành Quản lý đất đai;
- Kỹ năng nghiên cứu khoa học: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống và hiện đại để thực hiện nghiên cứu thành công các vấn đề khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Có kỹ năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

** Năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn:*

- Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức công việc, phát huy trí tuệ tập thể và phát triển chuyên môn về quản lý đất đai;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai;
- Có đạo đức nghề nghiệp tốt trong việc thực hiện các công việc chuyên môn như trung thực với các kết quả đo đạc, phân tích đất, xử lý hồ sơ về đất đai. Luôn nhiệt tình, niềm nở và tận tâm khi phục vụ người dân đến giao dịch hoặc khi thực hiện các công việc chuyên môn với các bên liên quan.

** Năng lực quản lý, điều hành:*

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực quản lý đất đai thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý đất đai ở các cấp;
- Có năng lực đề xuất các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

XV. NGÀNH KHOA HỌC ĐẤT

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn về khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (được cấp chứng chỉ), An ninh quốc phòng (được cấp chứng chỉ), tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về tiếng Anh với trình độ B1 hoặc tương đương trở lên.

1.2. Chuẩn về khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khoa học đất;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như Toán học, Toán thống kê, Vật lý, Hóa học, Sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khoa học đất.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Áp dụng được kiến thức cơ sở của ngành khoa học đất về Thổ nhưỡng, Hóa học đất, Vật lý đất, Hóa môi trường, Khí tượng học, Cơ sở khoa học môi trường, Sinh lý thực vật, Địa chất học, Canh tác học để phát triển kiến thức mới, tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;
- Ứng dụng được phương pháp xác định các đặc tính lý, hóa, sinh học và các chỉ tiêu của đất để phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu về đất, cây và phân bón. Từ đó, tìm ra các nguyên lý trong quy hoạch sử dụng đất và xây dựng bản đồ đất phục vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp;
- Vận dụng được kiến thức về quá trình chuyển hóa của đất và các kỹ thuật phân loại, lấy mẫu đất, nước, phân bón và cây trồng để đánh giá mức độ ô nhiễm đất, hiệu quả kinh tế sử dụng đất trong nông nghiệp để từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất;
- Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế đất và môi trường để giải quyết các vấn đề quản lý chất lượng và sử dụng đất theo hướng bền vững.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng xây dựng bản đồ đất, bản đồ thích nghi đất đai;
- Có kỹ năng đánh giá đất, phân hạng đất, đánh giá độ phì, xây dựng chế độ cải tạo đất và phương pháp sử dụng đất hợp lý, hiệu quả;
- Có kỹ năng thiết kế và bố trí các thí nghiệm liên quan đến đất, cây và phân bón;
- Có kỹ năng xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo vệ và cải tạo đất bị thoái hóa, bạc màu, rửa trôi, ô nhiễm;
- Có kỹ năng xây dựng các giải pháp sử dụng đất thích ứng với biến đổi khí hậu và áp lực của đô thị hóa trên cơ sở ứng dụng các kiến thức về pháp luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất.
- Có kỹ năng xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất các cấp;
- Có kỹ năng cập nhật kiến thức, thông tin trong và ngoài nước, các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu và ứng dụng của ngành khoa học đất để giải quyết các vấn đề trong ngành khoa học đất ở quy mô cấp tỉnh, huyện, xã;

- Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong các công việc của ngành khoa học đất.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có kỹ năng cộng tác, hình thành nhóm, làm việc theo nhóm, phát triển nhóm; tổng hợp được ý kiến tập thể, thích ứng và làm việc hiệu quả trong các tập thể đa ngành, đa lĩnh vực.

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có kỹ năng quản lý, điều khiển, phân công, đánh giá hoạt động của tập thể; Có kỹ năng phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Có khả năng đàm phán, thuyết phục và đưa ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Kỹ năng giao tiếp: Có kỹ năng đàm phán, diễn thuyết, ứng xử và giao tiếp hiệu quả trong các công việc của lĩnh vực khoa học đất cũng như trong cuộc sống.

- Kỹ năng nghiên cứu khoa học: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống và hiện đại để thực hiện nghiên cứu thành công các vấn đề khoa học trong lĩnh vực khoa học đất.

- Có kỹ năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

** Năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn:*

- Có năng lực tự lập kế hoạch, tổ chức công việc, phát huy trí tuệ tập thể và phát triển chuyên môn về khoa học đất;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về khoa học đất;

- Có đạo đức nghề nghiệp tốt trong việc thực hiện các công việc chuyên môn như tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình lấy mẫu đất, trung thực với các kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm cũng như các thí nghiệm được bố trí ngoài thực địa. Luôn nhiệt tình, niềm nở và tận tâm khi phục vụ người dân và các bên liên quan khi thực hiện các công việc chuyên môn.

** Năng lực quản lý, điều hành:*

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực khoa học đất;

- Có khả năng cập nhật và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề mới, phát sinh của ngành Khoa học đất;

- Có khả năng sáng tạo giải pháp trong giải quyết các vấn đề của ngành Khoa học đất;

- Có khả năng tổng hợp, đánh giá các ưu, nhược điểm và tồn tại chính trong quản lý, sử dụng đất để từ đó đề xuất các giải pháp hiệu quả và phù hợp.

XVI. NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ Giáo dục thể chất), An ninh quốc phòng (chứng chỉ An ninh quốc phòng), về đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và có thể sử dụng trong công tác chuyên môn (B1 hoặc tương đương)

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật, công nghệ thông tin cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn nuôi trồng thủy sản;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Hiểu được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, sinh thái thủy sinh vật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành nuôi trồng thủy sản.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm được các đặc điểm sinh học của các đối tượng thủy sản để thiết kế và xây dựng công trình và các thiết bị hỗ trợ trong quá trình sản xuất giống, nuôi thương phẩm động/thực vật thủy sản. Xây dựng và thực hiện các quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ-mặn theo hướng phát triển bền vững. Ứng dụng linh hoạt các tiến bộ của khoa học công nghệ vào kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản trong các điều kiện môi trường khác nhau;

- Nắm được quy luật biến động của các yếu tố môi trường; có kiến thức quản lý môi trường; dịch bệnh; và cách sử dụng hoá chất trong nuôi trồng thủy sản;

- Hiểu biết về các loại thức ăn; thành phần dinh dưỡng; yêu cầu và tập tính dinh dưỡng của các động vật thủy sản; phương pháp và hiệu quả sử dụng thức ăn trong nuôi trồng thủy sản;

- Hiểu biết về các loại bệnh trên động vật thủy sản; các con đường truyền bệnh. Phương pháp nâng cao sức khỏe động vật thủy sản; các biện pháp áp dụng để phòng và trị bệnh trên động vật thủy sản;

- Hiểu biết về thị trường; tiếp cận ngư nghiệp; hoạch toán kinh tế; tổ chức các hoạt động kinh doanh sản phẩm thủy sản.

1.5. Kiến thức bổ trợ

Giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, tiếp cận với công nghệ và môi trường nuôi trồng thủy sản cũng như các kỹ năng giao tiếp, lập và quản lý dự án.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tế được đào tạo để áp dụng vào thực tiễn sản xuất nuôi trồng thủy sản trong các bối cảnh khác nhau;

- Phân tích; tổng hợp; đánh giá dữ liệu; thông tin; tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch; tư duy logic, đưa ra các giải pháp và áp dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất giống và nuôi/trồng các đối tượng thủy sản theo hướng bền vững;

- Dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Quản lý và làm chủ kỹ thuật để vận hành tốt cơ sở sản xuất thủy sản như trại giống, trại nuôi thương phẩm, kinh doanh dịch vụ.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ về học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức; các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc;

- Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; chủ động, tự tin trong nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn. Tập hợp, và gắn kết được nhiều người để lập ra các nhóm làm việc, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau để nâng cao hiệu quả công việc;

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo; điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp;

- Kỹ năng giao tiếp; lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...;
- Lập kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn cho cá nhân nhóm, tập thể. Chủ động, tự tin trong nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn. Tập hợp, và gắn kết được nhiều người để lập ra các nhóm làm việc, nghiên cứu để nâng cao hiệu quả công việc;
- Kỹ năng xác định được vấn đề nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện, thu thập và xử lý số liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu;
- Có kỹ năng đọc được nội dung của một báo cáo hay bài phát biểu về chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành nuôi trồng thủy sản; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống thông thường, có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến bằng tiếng Anh liên qua đến công việc chuyên môn;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có lập trường chính trị; tư tưởng vững vàng; ý thức tổ chức kỷ luật tốt; hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp; thực hiện quy trình nuôi bền vững, không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng thuốc và hóa chất trong danh mục cho phép, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước;
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn; nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự định hướng; khởi nghiệp; tự tạo việc làm; thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được các kết luận, dự đoán khoa học về các vấn đề nuôi trồng thủy sản, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều hành công việc, phát huy trí tuệ tập thể, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô vừa và nhỏ.

XVII. NGÀNH BỆNH HỌC THỦY SẢN

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ Giáo dục thể chất), An ninh quốc phòng (chứng chỉ An ninh quốc phòng), về đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường, có khả năng giao tiếp, đọc hiểu và viết tiếng Anh trong công việc và chuyên môn. Có chứng chỉ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương.

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Bệnh học thủy sản;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học và sinh học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Bệnh học thủy sản.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Có kiến thức về sinh vật thủy sinh và sinh thái thủy sinh vật; các đặc điểm về hình thái và giải phẫu động vật thủy sản (ĐVTS); đặc điểm sinh lý, dinh dưỡng ĐVTS;
- Hiểu biết đặc điểm di truyền chọn giống và nội tiết học sinh sản, hệ miễn dịch của ĐVTS để sản xuất giống có khả năng kháng bệnh và quản lý chất lượng giống thủy sản;

- Hiểu biết các quy trình kỹ thuật nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước ngọt, lợ, mặn theo hướng quản lý dịch bệnh trên đối tượng nuôi;
- Có kiến thức về mối quan hệ giữa các yếu tố trong hệ thống NTTS; nắm được những mối nguy hiện diện trong sản phẩm thủy sản có thể gây nguy hại tới sức khỏe người tiêu dùng;
- Có kiến thức về những bệnh do virus, vi khuẩn, nấm và ký sinh trùng, phi sinh vật và dịch hại gây ra trên ĐVTS; hiểu biết quy trình thu mẫu, chẩn đoán và giám sát dịch bệnh ở ĐVTS;
- Có kiến thức về các loại thuốc sử dụng trong NTTS; nắm được pháp luật về thú y thủy sản;
- Lập kế hoạch và thực hiện công tác khuyến ngư trong lĩnh vực bệnh thủy sản; chẩn đoán và phòng trị bệnh trên ĐVTS;
- Thực hiện được các nghiên cứu về lĩnh vực bệnh học thủy sản.

1.5. Kiến thức bổ trợ

- Có năng lực giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm, đồng biết lập kế hoạch và thực hiện các chương trình dự án liên quan đến bệnh học thủy sản;
- Tiếp cận với các công nghệ NTTS tiên tiến ở trong nước và trên thế giới nhằm quản lý dịch bệnh trên ĐVTS.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Phân tích các hiện tượng xảy ra trong thủy vực, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quá trình xuất hiện dịch bệnh trên ĐVTS;
- Xây dựng và thực hiện các quy trình kỹ thuật NTTS theo hướng quản lý dịch bệnh trên đối tượng nuôi;
- Có kỹ năng quản lý sức khỏe ĐVTS, dự báo những nguy cơ có thể xảy ra bệnh trên ĐVTS, phân loại bệnh trên ĐVTS, từ đó đưa ra các giải pháp để phòng trị bệnh cho các đối tượng nuôi;
- Vận dụng quy trình thu mẫu, chẩn đoán và giám sát dịch bệnh trong NTTS để thực hiện các phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản;
- Có kỹ năng sử dụng thuốc và hóa chất trong NTTS;
- Có kỹ năng nghiên cứu bệnh trên ĐVTS, viết và báo cáo khoa học về kết quả nghiên cứu.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời.
- Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau;
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp;
- Kỹ năng giao tiếp: lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức;
- Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành Bệnh học thủy sản; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có

thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, trung thực với các kết quả chẩn đoán bệnh trên ĐVTS, sẵn sàng nhận nhiệm vụ;
- Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề mới về quản lý dịch bệnh trong NTTS ở Việt Nam và thế giới;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về bệnh học thủy sản; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;
- Có tính hòa đồng, kiên nhẫn, năng động và sáng tạo, biết khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

XVIII. NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ Giáo dục thể chất), An ninh quốc phòng (chứng chỉ An ninh quốc phòng), về đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường, có khả năng giao tiếp, đọc hiểu và viết tiếng Anh trong công việc và chuyên môn (B1 hoặc tương đương)

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Quản lý Nguồn lợi Thủy sản;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, sinh thái thủy sinh vật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành quản lý nguồn lợi thủy sản.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Hiểu biết về các nhóm sinh vật trong môi trường nước như cá, động, thực vật, tảo vi khuẩn và các loại hình nguồn lợi thủy sản khác nhau. Hiểu biết các kiến thức về môi trường nước, khí hậu, hải dương, đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam;
- Nắm bắt được các phương pháp đánh giá, nghiên cứu và phân tích các đối tượng liên quan đến nghề cá như: phương pháp phân tích động thực vật phù du, thân mềm, nhuyễn thể, thực vật sống chìm trong nước, các thông số lý hóa của môi trường nước, tính toán các chỉ số đánh giá chung quần nghề cá và nguồn lợi thủy sản;
- Hiểu biết và có thể vận dụng để xây dựng và quản lý tổng hợp các chương trình quy hoạch, bảo tồn tài nguyên ven biển, và đất ngập nước; áp dụng được một số kỹ thuật nuôi, quy trình sản xuất giống các đối tượng thủy sản: ngọt, lợ, mặn phục vụ cho công tác tái tạo và bảo vệ nguồn lợi;

- Nắm bắt được các công cụ viễn thám trong phân vùng quản lý về môi trường và dịch bệnh trong lĩnh vực thủy sản và xây dựng các chương trình quan trắc môi trường và dịch bệnh trong lĩnh vực thủy sản.

1.5. Kiến thức bổ trợ

Phân tích và tự xây dựng, điều hành và phát triển một dự án quy mô nhỏ trong lĩnh vực QLNLTS.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Có kỹ năng về quản lý. Kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;

- Có kỹ năng trong lĩnh vực sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ và kỹ thuật để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi thủy sản;

- Làm chủ kỹ thuật và công cụ hiện đại để nắm bắt được với sự phát triển của thị trường lao động;

- Có sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong lĩnh vực Quản lý nguồn lợi thủy sản.

- So sánh và phân tích, cập nhật và dự đoán trong việc giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi thủy sản;

- Kỹ năng xây dựng, đánh giá và thực hiện kế hoạch và quản lý trong các lĩnh vực được đào tạo;

- Kỹ năng làm việc độc lập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và tổng hợp ý kiến tập thể trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực được đào tạo.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tự chủ, hiểu biết văn hóa, làm việc theo nhóm, viết và phân tích báo cáo chuyên môn;

- Có khả năng học và tự học suốt đời, thích ứng với sự phức tạp của thị trường lao động, không ngừng cập nhật các kiến thức phương pháp hiện đại, nâng cao năng lực của cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn;

- Vận dụng được kỹ năng giao tiếp, tư vấn trong lĩnh vực khuyến ngư và quản lý nguồn lợi thủy sản;

- Sử dụng được kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp).

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Đào tạo người học có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tinh thần phục vụ nhân dân, có phẩm chất đạo đức tốt. Hiểu và vận dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, khai thác thủy sản có trách nhiệm, bảo vệ môi trường sống song hành với tái tạo nguồn lợi thủy sản;

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho bản thân và xã hội;

- Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ngành quản lý nguồn lợi thủy sản ở quy mô trung bình.

XIX. NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất và vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khoa học cây trồng;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành/ngành khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, nông học và công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng theo hướng nông nghiệp an toàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Ứng dụng linh hoạt các tiến bộ công nghệ cao và các biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái;

- Điều tra, phát hiện và áp dụng biện pháp quản lý dịch hại cây trồng và nông sản phẩm phù hợp với thực tế sản xuất;

- Chọn tạo, tuyển chọn các giống cây trồng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác theo hướng thích ứng với các điều kiện sinh thái;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất có tính chiến lược và hiệu quả trong sản xuất cây trồng ở quy mô sản xuất hàng hóa.

1.5. Kiến thức bổ trợ

- Phân tích đánh giá thị trường, hoạch toán hiệu quả kinh tế, tổ chức các hoạt động kinh doanh các sản phẩm sản xuất từ cây trồng;

- Nắm vững và vận dụng các kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường của của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Khoa học cây trồng.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Lập kế hoạch và thực hiện công tác khuyến nông (lập kế hoạch, tổ chức tập huấn, hội nghị đầu bờ....) trong lĩnh vực sản xuất cây trồng; thiết kế và xây dựng mô hình trình diễn;

- Xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, viết và báo cáo kết quả nghiên cứu;

- Lập được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho cá nhân, nhóm, tập thể.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);
- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);
- Sử dụng các phương pháp và nghệ thuật trong quá trình giao tiếp, đàm phán phù hợp với các đối tác liên quan đến công việc;
- Hiểu biết đạo đức, văn hoá, phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục, các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc;
- Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các công việc liên quan đến khuyến nông.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực khởi nghiệp;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Khoa học cây trồng;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Khoa học cây trồng.
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật về Khoa học cây trồng;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động Khoa học cây trồng ở quy mô trung bình.
- Ý thức trách nhiệm với công việc, với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

XX. NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất và vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Bảo vệ thực vật;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành/ngành khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, nông học và công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để xây dựng và thực hiện quy trình phòng trừ sinh vật hại các loại cây trồng theo hướng nông nghiệp an toàn, bền vững; thực hiện quy trình phòng trừ sinh vật hại rừng;
- Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ phù hợp để giám định chính xác các đối tượng sinh vật hại thực vật và đối tượng kiểm dịch thực vật;

- Hiểu rõ và thực hiện công tác điều tra sự phát sinh, dự tính, dự báo các đối tượng sinh vật hại trên các loại cây trồng và thực vật rừng. Thực hiện tổng kết, báo cáo kết quả điều tra, dự tính dự báo sinh vật hại;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất sản xuất cây trồng ở quy mô sản xuất hàng hóa;

- Phân tích đánh giá thị trường, hoạch toán hiệu quả kinh tế, tổ chức các hoạt động kinh doanh các sản phẩm bảo vệ thực vật;

- Nắm vững và vận dụng các kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường của của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Lập kế hoạch và thực hiện công tác khuyến nông (lập kế hoạch, tổ chức tập huấn, hội nghị đầu bờ...) trong lĩnh vực bảo vệ thực vật; thiết kế và xây dựng mô hình trình diễn;

- Xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, viết và báo cáo kết quả nghiên cứu;

- Lập được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho cá nhân, nhóm, tập thể.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

- Sử dụng các phương pháp và nghệ thuật trong quá trình giao tiếp, đàm phán phù hợp với các đối tác liên quan đến công việc;

- Hiểu biết đạo đức, văn hoá, phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục, các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc.

- Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các công việc liên quan đến khuyến nông;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực khởi nghiệp;

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Bảo vệ thực vật;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Bảo vệ thực vật;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật về Bảo vệ thực vật;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động Bảo vệ thực vật ở quy mô trung bình;

- Ý thức trách nhiệm với công việc, với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

XXI. NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất và vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan;

- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành/ngành khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, nông học và công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất rau, hoa quả, cây cảnh đáp ứng được nhu cầu sản phẩm sạch, đẹp, an toàn của thị trường thích hợp với điều kiện canh tác và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nắm vững và áp dụng các công nghệ sản xuất phù hợp cho các vùng có ít diện tích canh tác như khu vực đô thị, ven đô như: kỹ thuật trồng cây không đất, trồng cây trong chậu, trong nhà kính, nhà lưới;

- Tiến hành thiết kế, thi công, duy trì, bảo dưỡng quan đô thị, khu du lịch, nhà vườn;

- Phân tích đánh giá thị trường, marketing các sản phẩm rau, hoa, quả và cảnh quan;

- Nắm vững và vận dụng các kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Lập kế hoạch và thực hiện công tác khuyến nông (lập kế hoạch, tổ chức tập huấn, hội nghị đầu bờ....) trong lĩnh vực sản xuất rau hoa quả và cảnh quan; thiết kế và xây dựng mô hình trình diễn;

- Xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, viết và báo cáo kết quả nghiên cứu;

- Lập được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho cá nhân, nhóm, tập thể.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);
- Sử dụng các phương pháp và nghệ thuật trong quá trình giao tiếp, đàm phán phù hợp với các đối tác liên quan đến công việc;
- Hiểu biết đạo đức, văn hoá, phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục, các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc;
- Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các công việc liên quan đến khuyến nông.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực khởi nghiệp;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan;
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật về Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động Công nghệ rau hoa quả và Cảnh quan ở quy mô trung bình.
- Ý thức trách nhiệm với công việc, với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

XXIII. NGÀNH NÔNG HỌC

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Chuẩn khối kiến thức chung toàn Đại học Huế

- Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất và vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường (B1).

1.2. Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực

- Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho Khối ngành Khoa học Nông nghiệp;
- Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Ứng dụng được trong công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức chung khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành/ngành khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, nông học và công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

1.4. Kiến thức về nghề nghiệp

- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng theo hướng nông nghiệp an toàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Ứng dụng linh hoạt các tiến bộ công nghệ cao và các biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất cây trồng phù hợp trong hệ thống sản xuất trồng trọt – chăn nuôi – thủy sản – lâm nghiệp;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất có tính chiến lược và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp ở quy mô vừa và nhỏ;
- Phân tích đánh giá thị trường, hoạch toán hiệu quả kinh tế, tổ chức các hoạt động kinh doanh các nông sản;
- Nắm vững và vận dụng các kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường của của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng về nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Lập kế hoạch và thực hiện công tác khuyến nông (lập kế hoạch, tổ chức tập huấn, hội nghị đầu bờ....) trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; thiết kế và xây dựng mô hình trình diễn;
- Xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, viết và báo cáo kết quả nghiên cứu;
- Lập được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho cá nhân, nhóm, tập thể.

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...);
- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);
- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);
- Sử dụng các phương pháp và nghệ thuật trong quá trình giao tiếp, đàm phán phù hợp với các đối tác liên quan đến công việc;
- Hiểu biết đạo đức, văn hoá, phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục, các vấn đề về đạo đức xã hội và ứng xử phù hợp trong từng tình huống trong công việc.
- Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các công việc liên quan đến khuyến nông.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực khởi nghiệp;
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Nông học;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Nông học;
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật về Nông học;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động Nông học ở quy mô trung bình;
- Ý thức trách nhiệm với công việc, với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Văn An